

LUẬN A TỶ ĐẠT MA PHẨM LOẠI TỨC QUYỂN 2

Phẩm 2: BIỆN LUẬN CÁC TRÍ, Phần 2

Hỏi: Vì sao đạo trí là đạo trí toàn phần?

Đáp: Đạo trí này biết rõ Thánh đạo chính là đạo-như-hành-xuất.

Hỏi: Vì sao đạo trí là phần ít của pháp trí?

Đáp: Thuộc cõi Dục, đạo trí này hiểu rõ các hành nơi đạo có khả năng đoạn chính là đạo-như-hành-xuất.

Hỏi: Vì sao đạo trí là phần ít của loại trí?

Đáp: Ở cõi Sắc và Vô sắc, đạo trí này hiểu rõ phương pháp năng đoạn các hành là đạo-như-hành-xuất.

Hỏi: Vì sao đạo trí là phần ít của tha tâm trí?

Đáp: Đạo trí này ở trong Thánh đạo, biết rõ tâm và tâm sở vô lậu của người khác.

Hỏi: Vì sao đạo trí là phần ít của tận trí?

Đáp: Đạo trí này tự hiểu biết khắp: Ta đã tu tập đạo.

Hỏi: Vì sao đạo trí là phần ít của vô sinh trí?

Đáp: Vì đạo trí này tự hiểu biết khắp: Ta đã tu tập đạo mà không phải tu tập nữa.

Hỏi: Vì sao tận trí là tận trí toàn phần?

Đáp: Vì tận trí này tự hiểu biết khắp: Ta đã biết rõ các khổ. Ta đã đoạn dứt các tập. Ta đã chứng được diệt. Ta đã tu tập các đạo.

Hỏi: Vì sao tận trí là phần ít của pháp trí?

Đáp: Vì tận trí này tự hiểu biết khắp, như biết ở Dục giới: Ta đã biết rõ các khổ. Ta đã đoạn dứt các hành tập. Ta đã chứng các hành diệt. Ta đã tu đạo có khả năng đoạn các hành.

Hỏi: Vì sao tận trí là phần ít của loại trí?

Đáp: Vì tận trí tự hiểu biết khắp, như biết ở cõi Sắc và Vô sắc: Ta

đã biết rõ các hành khổ. Ta đã đoạn dứt các hành tập. Ta đã chứng được các hành diệt. Ta đã tu đạo có khả năng đoạn các hành.

Hỏi: Vì sao tận trí là phần ít của khổ trí?

Đáp: Vì tận trí tự hiểu biết khắp, ta đã biết khổ.

Hỏi: Vì sao tận trí là phần ít của tập trí?

Đáp: Tận trí tự biết khắp, ta đã đoạn tập.

Hỏi: Vì sao tận trí là phần ít của diệt trí?

Đáp: Vì tận trí tự hiểu biết khắp, ta đã chứng được diệt.

Hỏi: Vì sao tận trí là phần ít của đạo trí?

Đáp: Vì tận trí tự biết khắp, ta đã tu tập các đạo.

Hỏi: Vì sao vô sinh trí là vô sinh trí toàn phần?

Đáp: Vì vô sinh trí tự biết khắp, ta đã biết các khổ mà không phải nhận biết nữa. Ta đã đoạn dứt các tập mà không phải đoạn trừ nữa. Ta đã chứng được diệt mà không phải chứng nữa. Ta đã tu các đạo mà không phải tu nữa.

Hỏi: Vì sao vô sinh trí là phần ít của pháp trí?

Đáp: Vì vô sinh trí tự hiểu biết khắp, như thuộc cõi Dục, ta đã biết rõ các hành khổ mà không phải biết nữa. Ta đã đoạn dứt các hành tập mà không phải đoạn nữa. Ta đã chứng được hành diệt mà không phải chứng nữa. Ta đã tu các hành nơi đạo có khả năng đoạn mà không phải tu nữa.

Hỏi: Vì sao vô sinh trí là phần ít của loại trí?

Đáp: Vì vô sinh trí tự hiểu biết khắp, như ở cõi Sắc và Vô sắc, ta đã biết rõ các hành khổ mà không phải biết nữa. Ta đã đoạn dứt các hành tập mà không phải đoạn nữa. Ta đã tu chứng được các hành diệt mà không phải chứng nữa. Ta đã tu các hành nơi đạo có khả năng đoạn mà không phải tu tập nữa.

Hỏi: Vì sao vô sinh trí là phần ít của khổ trí?

Đáp: Vì vô sinh trí tự hiểu khắp: Ta hiểu các khổ, không phải nhận biết nữa.

Hỏi: Vì sao vô sinh trí là phần ít của tập trí?

Đáp: Vì vô sinh trí tự biết khắp: Ta đã đoạn dứt các tập mà không phải đoạn nữa.

Hỏi: Vì sao vô sinh trí là phần ít của diệt trí?

Đáp: Vì vô sinh trí tự biết khắp: Ta đã chứng diệt mà không phải chứng nữa.

Hỏi: Vì sao vô sinh trí là phần ít của đạo trí?

Đáp: Vì vô sinh trí tự biết rõ ràng, ta đã tu đạo mà không cần phải

tu gì nữa.

Hỏi: Mười trí như thế, có bao nhiêu hữu lậu và bao nhiêu vô lậu?

Đáp: Có một trí thuộc hữu lậu, tám trí thuộc vô lậu, còn một trí cần phải phân biệt, nghĩa là tha tâm trí hoặc hữu lậu, hoặc vô lậu.

Thế nào là hữu lậu? Tức là biết tâm và tâm sở pháp hữu lậu của người khác.

Thế nào là vô lậu? Tức là biết tâm và tâm sở pháp vô lậu của người khác.

Hỏi: Mười trí đó, có bao nhiêu duyên hữu lậu và bao nhiêu duyên vô lậu?

Đáp: Có hai trí duyên hữu lậu và hai trí duyên vô lậu, còn sáu trí cần phải phân biệt: Pháp trí hoặc duyên hữu lậu, hoặc duyên vô lậu.

Thế nào là duyên hữu lậu? Là duyên nơi khổ-tập.

Thế nào là duyên vô lậu? Là duyên nơi diệt-đạo.

Như pháp trí, loại trí-tận trí-vô sinh trí cũng thế.

Tha tâm trí hoặc duyên hữu lậu, hoặc duyên vô lậu.

Thế nào là duyên hữu lậu? Tức là biết rõ tâm-tâm sở pháp hữu lậu của người khác.

Thế nào là duyên vô lậu? Tức là biết rõ tâm-tâm sở pháp vô lậu của người khác.

Thế tục trí hoặc duyên hữu lậu, hoặc duyên vô lậu.

Thế nào là duyên hữu lậu? Là duyên nơi khổ và tập.

Thế nào là duyên vô lậu? Là duyên nơi diệt-đạo và hư không-phi trạch diệt.

Hỏi: Mười trí như thế, có bao nhiêu hữu vi, bao nhiêu vô vi?

Đáp: Tất cả đều thuộc hữu vi, không có vô vi.

Hỏi: Mười trí đó, có bao nhiêu duyên hữu vi, bao nhiêu duyên vô vi?

Đáp: Có bốn trí duyên hữu vi, một trí duyên vô vi và năm trí cần phải phân biệt: Pháp trí hoặc duyên hữu vi hoặc duyên vô vi.

Thế nào là duyên hữu vi? Là duyên nơi khổ-tập và đạo.

Thế nào là duyên vô vi? Là duyên nơi diệt.

Như pháp trí, loại trí-tận trí-vô sinh trí cũng thế.

Thế tục trí hoặc duyên hữu vi hoặc duyên vô vi.

Thế nào là duyên hữu vi? Là duyên nơi khổ-tập-đạo.

Thế nào là duyên vô vi? Là duyên nơi trạch diệt và hư không-phi trạch diệt.

Phẩm 3: BIỆN VỀ CÁC XỨ

- Có mười hai xứ (lãnh vực): Là nhãn xứ, sắc xứ, nhĩ xứ, thanh xứ, tỷ xứ, hương xứ, thiệt xứ, vị xứ, thân xứ, xúc xứ, ý xứ, pháp xứ
- Hỏi: Mười hai xứ này, bao nhiêu có sắc, bao nhiêu không có sắc?
- Đáp: Mười thứ có sắc, một thứ không có sắc và một thứ cần phân biệt, tức là pháp xứ hoặc có sắc, hoặc không có sắc.
- Thế nào là có sắc? Tức là pháp xứ đã thâm nhiếp thân nghiệp và ngữ nghiệp.
- Thế nào là không sắc? Tức là pháp xứ còn lại.
- Hỏi: Mười hai xứ này, bao nhiêu thứ thấy được và bao nhiêu thứ không thấy được?
- Đáp: Có một thứ thấy được, còn mười một thứ không thấy.
- Hỏi: Mười hai xứ này, bao nhiêu có đối và bao nhiêu không có đối?
- Đáp: Có mười thứ có đối và hai thứ không có đối.
- Hỏi: Mười hai xứ này, bao nhiêu hữu lậu, bao nhiêu vô lậu?
- Đáp: Có mười thứ hữu lậu và hai thứ cần phân biệt, tức là xứ hoặc hữu lậu, hoặc vô lậu.
- Thế nào là hữu lậu? Là tác ý hữu lậu tương ứng với ý xứ.
- Thế nào là vô lậu? Là tác ý vô lậu tương ứng với ý xứ.
- Pháp xứ hoặc hữu lậu, hoặc vô lậu.
- Thế nào là hữu lậu? Là pháp xứ thâm nhiếp các nghiệp của thân-ngữ hữu lậu và các uẩn thọ - tưởng - hành hữu lậu.
- Thế nào là vô lậu? Là pháp xứ thâm nhiếp các nghiệp của thân-ngữ vô lậu và các uẩn thọ - tưởng - hành vô lậu hai diệt cùng hư không.
- Hỏi: Mười hai xứ này, bao nhiêu hữu vi, bao nhiêu vô vi?
- Đáp: Có mười một thứ hữu vi và một thứ cần phân biệt, tức là pháp xứ hoặc hữu vi, hoặc vô vi.
- Thế nào là hữu vi? Là pháp xứ bao gồm các nghiệp của thân-ngữ và các uẩn thọ - tưởng - hành.
- Thế nào là vô vi? Là hai diệt cùng hư không.
- Hỏi: Mười hai xứ này, có bao nhiêu hữu tránh và bao nhiêu vô tránh?
- Đáp: Có mười hữu tránh và hai thứ nên phân biệt: Nghĩa là ý xứ và pháp xứ nếu hữu lậu thì hữu tránh, nếu vô lậu thì vô tránh.
- Cũng như hữu tránh và vô tránh, thế gian và xuất thế gian, tùy cảnh giới và không tùy cảnh giới, có mê đắm vị, không mê đắm vị,

nướng vào đăm mê hoặc nướng vào xuất ly, thuận kết hoặc không thuận kết, thuận chấp giữ hay không thuận chấp giữ, thuận trói buộc hay không thuận trói buộc..., nên biết cũng thế.

Hỏi: Mười hai xứ này, có bao nhiêu hữu ký và bao nhiêu vô ký?

Đáp: Có tám thứ là vô ký và bốn thứ cần phân biệt: Sắc xứ hoặc hữu ký, hoặc vô ký.

Thế nào là hữu ký? Tức là sắc xứ thiện và bất thiện.

Thế nào là vô ký? Nghĩa là trừ ra sắc xứ thiện và bất thiện, là những sắc xứ còn lại.

Thanh xứ, ý xứ, pháp xứ cũng vậy.

Hỏi: Mười hai xứ này, có bao nhiêu hữu phú, bao nhiêu vô phú?

Đáp: Có tám thứ vô phú và bốn thứ cần phân biệt, tức là sắc xứ hoặc hữu phú, hoặc vô phú.

Thế nào là hữu phú? Tức là sắc xứ bất thiện và hữu phú vô ký.

Thế nào là vô phú? Tức là sắc xứ thiện và vô phú vô ký.

Thanh xứ, ý xứ, pháp xứ cũng như thế.

Cũng như hữu phú hay vô phú; có nhiễm ô hay không nhiễm ô, có tội hay không có tội..., nên biết cũng như thế.

Hỏi: Mười hai xứ này, có bao nhiêu thứ nên tu và bao nhiêu thứ không nên tu?

Đáp: Có tám thứ không nên tu và bốn thứ nên phân biệt, tức là sắc xứ hoặc nên tu, hoặc không nên tu.

Thế nào là nên tu? Nghĩa là sắc xứ thiện.

Thế nào là không nên tu? Nghĩa là sắc xứ bất thiện và vô ký.

Thanh xứ, ý xứ cũng như vậy.

Pháp xứ hoặc nên tu, hoặc không nên tu

Thế nào là nên tu? Là pháp xứ thiện và hữu vi.

Thế nào là không nên tu? Là pháp xứ bất thiện - vô ký và trạch diệt.

Hỏi: Mười hai xứ này, bao nhiêu thứ có dị thực và bao nhiêu thứ không có dị thực?

Đáp: Có tám thứ không có dị thực và bốn thứ cần phân biệt.

Tức là sắc xứ hoặc có dị thực, hoặc không có dị thực.

Thế nào là có dị thực? Là sắc xứ thiện và bất thiện.

Thế nào là không có dị thực? Là sắc xứ vô ký

Thanh xứ cũng như thế.

Ý xứ hoặc có dị thực, hoặc không có dị thực.

Thế nào là có dị thực? Nghĩa là ý xứ thiện và bất thiện hữu lậu.

Thế nào là không có dị thực? Nghĩa là ý xứ vô ký vô lậu.

Pháp xứ cũng vậy.

Hỏi: Mười hai xứ này, có bao nhiêu là kiến và bao nhiêu không phải kiến?

Đáp: Có một thứ là kiến, mười thứ không phải kiến và một thứ cần phân biệt, tức là pháp xứ hoặc kiến, hoặc không phải kiến.

Thế nào là kiến? Tức là năm thứ kiến nhiễm ô, chánh kiến của thế tục, kiến học và kiến vô học.

Thế nào là không phải kiến? Tức là pháp xứ còn lại.

Hỏi: Mười hai xứ này, có bao nhiêu thứ trong, bao nhiêu thứ ngoài?

Đáp: Có sáu thứ trong và sáu thứ ngoài.

Hỏi: Mười hai xứ này, bao nhiêu thứ có chấp thọ, bao nhiêu thứ không có chấp thọ?

Đáp: Có ba thứ không chấp thọ và chín thứ cần phân biệt, tức là nhãn xứ hoặc có chấp thọ, hoặc không có chấp thọ.

Thế nào là có chấp thọ? Là nhãn xứ thuộc về tự thể.

Thế nào là không chấp thọ? Là nhãn xứ không tùy thuộc vào tự thể.

Sắc xứ, nhĩ xứ, thanh xứ, tỷ xứ, hương xứ, thiệt xứ, vị xứ, thân xứ, xúc xứ cũng như vậy.

Hỏi: Mười hai xứ này, có bao nhiêu thứ là tâm, bao nhiêu thứ không phải là tâm?

Đáp: Có một thứ là tâm, mười một thứ không phải là tâm.

Hỏi: Mười hai xứ này, bao nhiêu thứ là tâm sở và bao nhiêu thứ không phải là tâm sở?

Đáp: Có mười một thứ không phải là tâm sở và một thứ cần phân biệt, là pháp xứ hoặc là tâm sở, hoặc không phải là tâm sở.

Thế nào là tâm sở? Là có sở duyên với pháp xứ.

Thế nào là không phải tâm sở? Là không có sở duyên với pháp xứ.

Hỏi: Mười hai xứ này, bao nhiêu thứ là có sở duyên và bao nhiêu thứ không có sở duyên?

Đáp: Có một thứ là có sở duyên, mười thứ không phải đối tượng được duyên và một thứ cần phân biệt, tức là pháp xứ hoặc là có sở duyên, hoặc không có sở duyên.

Thế nào là có sở duyên? Là các thứ tâm sở.

Thế nào là không có sở duyên? Là pháp xứ không phải tâm sở.

Hỏi: Mười hai xứ này, có bao nhiêu thứ là nghiệp và bao nhiêu thứ không phải nghiệp?

Đáp: Có chín thứ không phải là nghiệp và ba thứ cần phân biệt, tức là sắc xứ hoặc là nghiệp, hoặc không phải là nghiệp.

Thế nào là nghiệp? Là biểu nghiệp của thân.

Thế nào là không phải nghiệp? Tức là sắc xứ còn lại.

Thanh xứ hoặc là nghiệp, hoặc không phải là nghiệp.

Thế nào là nghiệp? Là biểu nghiệp của ngữ.

Thế nào là không phải nghiệp? Là các thanh xứ còn lại.

Pháp xứ hoặc là nghiệp, hoặc không phải là nghiệp.

Thế nào là nghiệp? Tức là pháp xứ thâm nhiếp các nghiệp của thân-ngữ và suy nghĩ.

Thế nào là không phải nghiệp? Tức là các pháp xứ còn lại.

Hỏi: Mười hai xứ này, có bao nhiêu thứ thiện - bất thiện - vô ký?

Đáp: Có tám thứ là vô ký và bốn thứ cần phân biệt.

Sắc xứ hoặc thiện, hoặc bất thiện, hoặc vô ký.

Thế nào là thiện? Tức là biểu nghiệp thiện của thân.

Thế nào là bất thiện? Tức là biểu nghiệp bất thiện của thân.

Thế nào là vô ký? Tức là trừ ra biểu nghiệp thiện và bất thiện nơi thân.

Thanh xứ hoặc thiện, hoặc bất thiện, hoặc vô ký.

Thế nào là thiện? Tức là biểu nghiệp thiện của ngữ.

Thế nào là bất thiện? Tức là biểu nghiệp bất thiện của ngữ.

Thế nào là vô ký? Tức là trừ ra biểu nghiệp thiện và bất thiện của ngữ.

Ý xứ hoặc thiện, hoặc bất thiện, hoặc vô ký.

Thế nào là thiện? Là tác ý thiện tương ứng với ý xứ.

Thế nào là bất thiện? Là tác ý bất thiện tương ứng với ý xứ.

Thế nào là vô ký? Là tác ý vô ký tương ứng với ý xứ.

Pháp xứ hoặc thiện, hoặc bất thiện, hoặc vô ký.

Thế nào là thiện? Là pháp xứ thâm nhiếp các nghiệp thiện của thân - ngữ, và các uẩn thọ-tưởng-hành thuộc về thiện cùng với trạch diệt.

Thế nào là bất thiện? Là pháp xứ thâm nhiếp các nghiệp bất thiện của thân ngữ, và các uẩn thọ-tưởng-hành thuộc về bất thiện.

Thế nào là vô ký? Là các uẩn thọ-tưởng-hành vô ký và hư không-phi trạch diệt.

Hỏi: Mười hai xứ này có bao nhiêu thứ do kiến mà đoạn trừ, bao

nhiều thứ do tu mà đoạn trừ, bao nhiêu thứ không phải đoạn trừ?

Đáp: Có mười thứ do tu mà đoạn trừ và hai thứ cần phân biệt, tức là ý xứ hoặc do kiến mà đoạn, hoặc do tu mà đoạn, hoặc không phải đoạn trừ.

Thế nào là do kiến mà đoạn? Là đối với ý xứ, các bậc tùy tín hành, tùy pháp hành, hiện quán về biên nhãn mà đoạn trừ. Đây nghĩa là gì? Là kiến đã đoạn trừ tám mươi tám thứ tùy miên tương ứng với ý xứ.

Thế nào là do tu mà đoạn? Là đối với ý xứ, các bậc hữu học thấy dấu đạo do tu mà đoạn trừ. Đây nghĩa là gì? Là do tu mà đoạn trừ mười thứ tùy miên tương ứng với ý xứ, và ý xứ hữu lậu không nhiễm ô.

Thế nào là không phải đoạn trừ? Là ý xứ vô lậu.

Pháp xứ hoặc do kiến mà đoạn, hoặc do tu mà đoạn, hoặc chẳng đoạn cái gì.

Thế nào là do kiến mà đoạn? Nghĩa là pháp xứ đã bị đoạn do các bậc tùy tín hành, tùy pháp hành, hiện quán biên nhãn. Đây là nghĩa gì? Là kiến đạo mà đoạn tám mươi tám tùy miên tương ứng với pháp xứ và cùng khởi tâm bất tương ứng hành.

Thế nào là do tu mà đoạn? Nghĩa là như pháp xứ, các bậc hữu học thấy dấu đạo do tu mà đoạn trừ. Đây là nghĩa gì? Tức là tu đạo mà đoạn trừ mười thứ tùy miên cùng tương ứng với pháp xứ, cùng khởi nghiệp thân-ngữ, cùng khởi tâm bất tương ứng hành và pháp xứ hữu lậu không nhiễm ô.

Thế nào là không đoạn trừ? Nghĩa là pháp xứ vô lậu.

Hỏi: Mười hai xứ này, có bao nhiêu thứ hữu học - vô học và phi học phi vô học?

Đáp: Có mười thứ thuộc phi học phi vô học, hai thứ cần phân biệt, tức là ý xứ hoặc hữu học, hoặc vô học, hoặc phi học phi vô học.

Thế nào là hữu học? Là tác ý hữu học tương ứng với ý xứ.

Thế nào là vô học? Là tác ý vô học tương ứng với ý xứ.

Thế nào là phi học phi vô học? Là tác ý phi học phi vô học tương ứng với ý xứ.

Pháp xứ hoặc hữu học, hoặc vô học, hoặc phi học phi vô học.

Thế nào là hữu học? Là nghiệp của thân - ngữ hữu học và các uẩn thọ-tưởng-hành hữu học.

Thế nào là vô học? Là nghiệp của thân - ngữ vô học cùng các uẩn thọ - tưởng - hành vô học.

Thế nào là phi học phi vô học? Là pháp xứ bao gồm các nghiệp hữu lậu của thân - ngữ và các uẩn hữu lậu thọ - tưởng - hành cùng các

pháp vô vi.

Hỏi: Mười hai xứ này, có bao nhiêu thứ thuộc Dục giới - Sắc giới - Vô sắc giới và bao nhiêu thứ không thuộc cõi nào?

Đáp: Có hai thứ thuộc cõi Dục và mười thứ nên phân biệt.

Nhãn xứ hoặc thuộc Dục giới, hoặc thuộc Sắc giới.

Thế nào là thuộc Dục giới? Là nhãn xứ đối với các thứ do các đại chủng tạo nên ở cõi Dục.

Thế nào là thuộc Sắc giới? Là nhãn xứ đối với các thứ do các đại chủng tạo nên ở cõi Sắc.

Nhĩ xứ, thanh xứ, tỷ xứ, thiệt xứ, thân xứ cũng như thế.

Xúc xứ hoặc thuộc Dục giới, hoặc thuộc Sắc giới.

Thế nào là thuộc Dục giới? Là bốn đại chủng ở Dục giới và xúc xứ do các đại chủng tạo nên ở cõi Dục.

Thế nào là thuộc Sắc giới? Là bốn đại chủng ở Sắc giới và xúc xứ do các đại chủng tạo nên ở cõi Sắc.

Ý xứ hoặc thuộc Dục giới, hoặc thuộc Sắc giới, hoặc thuộc Vô sắc giới, hoặc không thuộc cõi nào.

Thế nào là thuộc Dục giới? Là tác ý ở Dục giới tương ứng với ý xứ.

Thế nào là thuộc Sắc giới? Là tác ý ở Sắc giới tương ứng với ý xứ.

Thế nào là thuộc Vô sắc giới? Là tác ý ở Vô sắc giới tương ứng với ý xứ.

Thế nào là không hệ thuộc với cõi nào? Là tác ý vô lậu tương ứng với ý xứ.

Pháp xứ hoặc thuộc Dục giới, hoặc thuộc Sắc giới, hoặc thuộc Vô sắc giới, hoặc không thuộc cõi nào.

Thế nào là thuộc cõi Dục? Là pháp xứ thâm nhiếp các nghiệp của thân-ngữ và của các uẩn thọ-tưởng-hành thuộc cõi Dục.

Thế nào là thuộc cõi Sắc? Là pháp xứ thâm nhiếp các nghiệp của thân-ngữ và các uẩn thọ-tưởng-hành thuộc cõi Sắc.

Thế nào là thuộc cõi Vô sắc? Là các uẩn thọ-tưởng-hành thuộc cõi Vô sắc.

Thế nào là không thuộc cõi nào? Là nghiệp vô lậu của thân-ngữ, các uẩn thọ-tưởng-hành và pháp vô vi.

Hỏi: Mười hai xứ này, có bao nhiêu thứ thuộc quá khứ - hiện tại và vị lai?

Đáp: Có mười một thứ hoặc quá khứ hoặc hiện tại hay vị lai, và

một thứ nên phân biệt, tức là pháp xứ, nếu là hữu vi thì hoặc quá khứ-hiện tại - vị lai. Nếu là vô vi thì không thuộc về ba đời.

Hỏi: Mười hai xứ này, có bao nhiêu thứ thuộc về khổ đế - tập đế - diệt đế - đạo đế và không thuộc về đế?

Đáp: Có mười thứ thuộc về khổ đế - tập đế, và hai thứ cần phân biệt:

Ý xứ, nếu là hữu lậu thì do khổ đế và tập đế thâm giữ, nếu là vô lậu thì do đạo đế thâm giữ.

Pháp xứ, nếu là hữu lậu thì do khổ đế và tập đế thâm giữ, nếu là vô lậu thì do đạo đế hữu vi thâm giữ. Nếu là trạch diệt thì do diệt đế thâm giữ, nếu là hư không-phi trạch diệt thì không thuộc về đế thâm giữ.

Hỏi: Mười hai xứ này, có bao nhiêu thứ do thấy khổ mà đoạn trừ, do thấy tập mà đoạn trừ, do thấy diệt mà đoạn trừ, do thấy đạo mà đoạn trừ, do tu mà đoạn trừ và có bao nhiêu thứ không phải đoạn trừ?

Đáp: Có mười thứ do tu mà đoạn trừ, có hai thứ cần phân biệt:

Ý xứ hoặc do thấy khổ-tập-diệt-đạo, tu mà đoạn trừ, hoặc không phải đoạn trừ.

Thế nào là do thấy khổ mà đoạn trừ? Là đối với ý xứ, các bậc tùy tín hành, tùy pháp hành, hiện quán về hành khổ, biên nhãn đã đoạn dứt. Đây nghĩa là gì? Nghĩa là do thấy khổ mà đoạn trừ hai mươi tám thứ tùy miên tương ứng với ý xứ.

Thế nào là do thấy tập mà đoạn trừ? Là đối với ý xứ, các bậc tùy tín hành, tùy pháp hành, hiện quán về hành tập và biên nhãn đã đoạn trừ. Đây nghĩa là gì? Nghĩa là do thấy tập mà đoạn trừ mười chín thứ tùy miên tương ứng với ý xứ.

Thế nào là do thấy diệt mà đoạn trừ? Là đối với ý xứ, các bậc tùy tín hành, tùy pháp hành, hiện quán về hành diệt, biên nhãn đã đoạn trừ. Đây nghĩa là gì? Nghĩa là do thấy diệt mà đoạn trừ mười chín thứ tùy miên tương ứng với ý xứ.

Thế nào là do thấy đạo mà đoạn trừ? Là đối với ý xứ, các bậc tùy tín hành, tùy pháp hành, hiện quán về hành đạo và biên nhãn đã đoạn trừ. Đây nghĩa là gì? Nghĩa là do thấy đạo mà đoạn trừ hai mươi hai thứ tùy miên tương ứng với ý xứ.

Thế nào là do tu mà đoạn trừ? Là đối với ý xứ, các bậc hữu học thấy dấu đạo và tu mà đoạn trừ. Đây nghĩa là gì? Là do tu mà đoạn trừ mười thứ tùy miên tương ứng với ý xứ và ý xứ hữu lậu không nhiễm ô.

Thế nào là không phải đoạn trừ? Là ý xứ vô lậu.

Pháp xứ hoặc do thấy khổ-tập-diệt-đạo, do tu mà đoạn trừ, hoặc

không phải đoạn trừ.

Thế nào là do thấy khổ mà đoạn trừ? Là đối với pháp xứ, các bậc tùy tín hành, tùy pháp hành, hiện quán về hành khổ, biên nhãn mà đoạn trừ. Đây nghĩa là gì? Nghĩa là do thấy khổ mà đoạn trừ hai mươi tám thứ tùy miên tương ứng với pháp xứ, cùng khởi lên các tâm bất tương ứng hành.

Thế nào là do thấy tập mà đoạn trừ? Nghĩa là đối với pháp xứ, các bậc tùy tín hành, tùy pháp hành, hiện quán về hành tập và biên nhãn mà đoạn trừ. Đây nghĩa là gì? Nghĩa là do thấy tập mà đoạn trừ mười chín thứ tùy miên tương ứng với pháp xứ, cùng khởi lên các tâm bất tương ứng hành.

Thế nào là do thấy diệt mà đoạn trừ? Là đối với pháp xứ, các bậc tùy tín hành, tùy pháp hành, hiện quán về hành diệt và biên nhãn mà đoạn trừ. Đây nghĩa là gì? Nghĩa là do thấy diệt mà đoạn trừ mười chín thứ tùy miên tương ứng với pháp xứ, cùng khởi lên các tâm bất tương ứng hành.

Thế nào là do thấy đạo mà đoạn trừ? Là đối với pháp xứ, các bậc tùy tín hành, tùy pháp hành, hiện quán về hành đạo và biên nhãn mà đoạn trừ. Đây nghĩa là gì? Nghĩa là do thấy đạo mà đoạn trừ hai mươi hai thứ tùy miên tương ứng với pháp xứ, và cũng khởi các tâm bất tương ứng hành.

Thế nào là do tu mà đoạn trừ? Nghĩa là đối với pháp xứ, các bậc hữu học thấy dấu vết đạo do tu đạo mà đoạn trừ. Đây nghĩa là gì? Nghĩa là do tu mà đoạn trừ mười thứ tùy miên tương ứng với pháp xứ, cũng khởi lên các nghiệp về thân - ngữ, các tâm bất tương ứng hành, cùng các pháp xứ hữu lậu không nhiễm ô.

Thế nào là không phải đoạn trừ? Nghĩa là pháp xứ vô lậu.

Hỏi: Năm uẩn và mười hai xứ, thì năm uẩn thâm nhiếp mười hai xứ hay mười hai xứ thâm nhiếp năm uẩn?

Đáp: Mười hai xứ thâm nhiếp năm uẩn chứ không phải năm uẩn thâm nhiếp mười hai xứ.

Không thâm nhiếp cái gì? Là các thứ vô vi.

Hỏi: Năm uẩn và mười tám giới, thì năm uẩn thâm nhiếp mười tám giới hay mười tám giới thâm nhiếp năm uẩn?

Đáp: Mười tám giới thâm nhiếp năm uẩn chứ không phải năm uẩn thâm nhiếp mười tám giới.

Không thâm nhiếp cái gì? Là các thứ vô vi.

Hỏi: Năm uẩn và hai mươi hai căn, thì năm uẩn thâm nhiếp hai

mười hai căn hay hai mươi hai căn thân nhiếp năm uẩn?

Đáp: Hai uẩn toàn phần và hai uẩn phần ít thân nhiếp hai mươi hai căn. Hai mươi hai căn thân nhiếp hai uẩn toàn phần và hai uẩn phần ít.

Không thân nhiếp cái gì? Tức là một uẩn toàn phần và hai uẩn phần ít.

Hỏi: Năm uẩn và chín mươi tám tùy miên, thì năm uẩn gồm thân chín mươi tám tùy miên hay chín mươi tám tùy miên thân nhiếp năm uẩn?

Đáp: Một uẩn phần ít thân nhiếp chín mươi tám tùy miên, chín mươi tám tùy miên thân nhiếp một uẩn phần ít.

Không thân nhiếp cái gì? Tức là bốn uẩn toàn phần và một uẩn phần ít.

Hỏi: Mười hai xứ và mười tám giới, thì mười hai xứ thân nhiếp mười tám giới hay mười tám giới thân nhiếp mười hai xứ?

Đáp: Chúng cùng tiếp nhận lẫn nhau tùy từng sự việc.

Hỏi: Mười hai xứ và hai mươi hai căn, thì mười hai xứ thân nhiếp hai mươi hai căn hay hai mươi hai căn thân nhiếp mười hai xứ?

Đáp: Sáu xứ toàn phần và một xứ phần ít thân nhiếp hai mươi hai căn, hai mươi hai căn thân nhiếp sáu xứ toàn phần và một xứ phần ít.

Không thân nhiếp cái gì? Tức là năm xứ toàn phần và một xứ phần ít.

Hỏi: Mười hai xứ và chín mươi tám tùy miên, thì mười hai xứ thân nhiếp chín mươi tám tùy miên hay chín mươi tám tùy miên thân nhiếp mười hai xứ?

Đáp: Một xứ phần ít thân nhiếp chín mươi tám tùy miên, chín mươi tám tùy miên thân nhiếp một xứ phần ít.

Còn cái nào không thân nhiếp? Tức là mười một xứ toàn phần và một xứ phần ít.

Hỏi: Mười tám giới và hai mươi hai căn, thì mười tám giới thân nhiếp hai mươi hai căn hay hai mươi hai căn thân nhiếp mười tám giới?

Đáp: Có mười hai giới toàn phần và một giới phần ít thân nhiếp hai mươi hai căn. Hai mươi hai căn thân nhiếp mười hai giới toàn phần và một giới phần ít.

Không thân nhiếp cái gì? Tức là năm giới toàn phần và một giới phần ít.

Hỏi: Mười tám giới và chín mươi tám tùy miên, thì mười tám giới thân nhiếp chín mươi tám tùy miên hay chín mươi tám tùy miên thân

nhiếp mười tám giới?

Đáp: Một giới phần ít thâm nhiếp chín mươi tám tùy miên, chín mươi tám tùy miên thâm nhiếp một giới phần ít.

Không thâm nhiếp cái gì? Tức là mười bảy giới toàn phần và một giới phần ít.

Hỏi: Hai mươi hai căn và chín mươi tám tùy miên, thì hai mươi hai căn thâm nhiếp chín mươi tám tùy miên hay chín mươi tám tùy miên thâm nhiếp hai mươi hai căn?

Đáp: Chúng không thâm nhiếp nhau.

Phẩm 4: BIỆN VỀ BẢY SỰ, Phần 1

Mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn, năm thủ uẩn, sáu giới, mười pháp đại địa, mười pháp đại thiện địa, mười pháp đại phiền não địa, mười pháp tiểu phiền não địa, năm phiền não, năm xúc, năm kiến, năm căn, năm pháp, sáu thức thân, sáu xúc thân, sáu thọ thân, sáu tưởng thân, sáu tư thân, sáu ái thân...

- Mười tám giới là gì? Đó là:

1. Nhân giới.
2. Sắc giới.
3. Nhân thức giới.
4. Nhĩ giới.
5. Thanh giới.
6. Nhĩ thức giới.
7. Tỷ giới.
8. Hương giới.
9. Tỷ thức giới.
10. Thiệt giới.
11. Vị giới.
12. Thiệt thức giới.
13. Thân giới.
14. Xúc giới.
15. Thân thức giới.
16. Ý giới.
17. Pháp giới.
18. Ý thức giới.

- Mười hai xứ là gì? Đó là:

1. Nhân xứ.
2. Sắc xứ.
3. Nhĩ xứ.
4. Thanh xứ.
5. Tỷ xứ.
6. Hương xứ.
7. Thiệt xứ.
8. Vị xứ.
9. Thân xứ.
10. Xúc xứ.
11. Ý xứ.

12. Pháp xứ.

- Năm uẩn là gì? Đó là:

1. Sắc uẩn.
2. Thọ uẩn.
3. Tưởng uẩn.
4. Hành uẩn.
5. Thức uẩn.

- Năm thủ uẩn là gì? Đó là:

1. Sắc thủ uẩn.
2. Thọ thủ uẩn.
3. Tưởng thủ uẩn.
4. Hành thủ uẩn.
5. Thức thủ uẩn.

- Sáu giới là gì? Đó là:

1. Địa giới.
2. Thủy giới.
3. Hỏa giới.
4. Phong giới.
5. Không giới.
6. Thức giới.

- Mười pháp đại địa là gì? Đó là:

1. Thọ.
2. Tưởng.
3. Tư.
4. Xúc.
5. Tác ý.
6. Dục.
7. Thắng giải.
8. Niệm.
9. Định.
10. Tuệ.

- Mười pháp đại thiện địa là gì? Đó là:

1. Tín.
2. Cần.
3. Tàm.
4. Quý.
5. Vô tham.
6. Vô sân.

7. Khinh an.

8. Xả.

9. Bất phóng dật.

10. Bất hại.

- Mười pháp đại phiền não địa là gì? Đó là:

1. Bất tín.

2. Giải đãi.

3. Thất niệm.

4. Tâm loạn.

5. Vô minh.

6. Bất chánh tri.

7. Phi lý tác ý.

8. Tà thắng giải.

9. Trạo cử.

10. Phóng dật.

- Mười pháp tiểu phiền não địa là gì? Đó là:

1. Phẫn.

2. Hận.

3. Phú. (Che giấu)

4. Nảo.

5. Tật. (Ganh ghét)

6. Xan. (Keo kiệt)

7. Cuống. (Đối trá)

8. Siểm. (Dua nịnh)

9. Kiêu. (Kiêu căng)

10. Hại.

- Năm thứ phiền não là gì? Đó là:

1. Tham nơi Dục.

2. Tham nơi Sắc.

3. Tham nơi Vô sắc.

4. Sân.

5. Nghi.

- Năm xúc là gì? Đó là:

1. Xúc có đối.

2. Xúc tăng ngữ.

3. Xúc minh.

4. Xúc vô minh.

5. Xúc không phải minh không phải vô minh.

- Năm kiến là gì? Đó là:

1. Hữu thân kiến.
2. Biên chấp kiến.
3. Tà kiến.
4. Kiến thủ.
5. Giới cấm thủ.

- Năm căn là gì? Đó là:

1. Lạc căn.
2. Khổ căn.
3. Hỷ căn.
4. Ưu căn.
5. Xả căn.

- Năm pháp là gì? Đó là:

1. Tầm.
2. Tứ.
3. Thức.
4. Vô tầm.
5. Vô quý.

- Sáu thức thân là gì? Đó là:

1. Nhãn thức.
2. Nhĩ thức.
3. Tỷ thức.
4. Thiệt thức.
5. Thân thức.
6. Ý thức.

- Sáu xúc thân là gì? Đó là:

1. Nhãn xúc.
2. Nhĩ xúc.
3. Tỷ xúc.
4. Thiệt xúc.
5. Thân xúc.
6. Ý xúc.

- Sáu thọ thân là gì? Đó là:

1. Nhãn xúc sinh ra thọ.
2. Nhĩ xúc sinh ra thọ.
3. Tỷ xúc sinh ra thọ.
4. Thiệt xúc sinh ra thọ.
5. Thân xúc sinh ra thọ.

6. Ý xúc sinh ra thọ.

- Sáu tướng thân là gì? Đó là:

1. Nhãn xúc sinh ra tưởng.
2. Nhĩ xúc sinh ra tưởng.
3. Tỷ xúc sinh ra tưởng.
4. Thiệt xúc sinh ra tưởng.
5. Thân xúc sinh ra tưởng.
6. Ý xúc sinh ra tưởng.

- Sáu tư thân là gì? Đó là:

1. Nhãn xúc sinh ra tư.
2. Nhĩ xúc sinh ra tư.
3. Tỷ xúc sinh ra tư.
4. Thiệt xúc sinh ra tư.
5. Thân xúc sinh ra tư.
6. Ý xúc sinh ra tư.

- Sáu ái thân là gì? Đó là:

1. Nhãn xúc sinh ra ái.
2. Nhĩ xúc sinh ra ái.
3. Tỷ xúc sinh ra ái.
4. Thiệt xúc sinh ra ái.
5. Thân xúc sinh ra ái.
6. Ý xúc sinh ra ái.

Nhãn giới là gì? Nghĩa là mắt đối với sắc đã chính thức nhìn thấy và đồng phần với sắc.

Sắc giới là gì? Nghĩa là sắc được mắt chính thức nhìn thấy và đồng phần với mắt.

Nhãn thức giới là gì? Nghĩa là mắt và sắc làm duyên sinh ra nhãn thức. Như thế, mắt là phần tăng thượng, sắc là đối tượng được duyên, nơi mắt nhận biết sắc, các thứ đã chính thức phân biệt và đồng phần với sắc.

Nhĩ giới là gì? Nghĩa là tai đối với tiếng đã chính thức nghe tiếng và đồng phần với tiếng.

Thanh giới là gì? Nghĩa là tiếng được tai đã chính thức nghe và đồng phần với tai.

Nhĩ thức giới là gì? Nghĩa là tai và tiếng cùng làm duyên sinh ra nhĩ thức. Như thế tai là phần tăng thượng, tiếng là đối tượng được duyên, nơi tai nhận biết tiếng, các thứ đã chính thức phân biệt và đồng phần với tiếng.

Tỷ giới là gì? Nghĩa là mũi đối với hương đã chính thức ngửi và đồng phần với hương.

Hương giới là gì? Nghĩa là hương được mũi đã chính thức ngửi và đồng phần với mũi.

Tỷ thức giới là gì? Nghĩa là mũi cùng hương làm duyên sinh ra tỷ thức. Như thế mũi là phần tăng thượng, hương là đối tượng được duyên, nơi mũi nhận biết hương, các thứ đã chính thức phân biệt và đồng phần với hương.

Thiệt giới là gì? Nghĩa là lưỡi đối với vị đã chính thức nếm các vị và đồng phần với vị.

Vị giới là gì? Nghĩa là vị được lưỡi đã chính thức nếm và đồng phần với lưỡi.

Thiệt thức giới là gì? Nghĩa là lưỡi và vị làm duyên sinh ra thiệt thức. Như thế lưỡi là phần tăng thượng, vị là đối tượng được duyên nơi lưỡi nhận biết vị, các thứ đã chính thức phân biệt đồng phần.

Thân giới là gì? Nghĩa là thân đối với xúc đã chính thức chạm xúc và đồng phần với vị.

Xúc giới là gì? Nghĩa là xúc được thân đã chính thức chạm xúc và đồng phần với xúc.

Thân thức giới là gì? Nghĩa là thân và xúc làm duyên sinh ra thân thức. Như thế thân là phần tăng thượng, xúc là đối tượng được duyên, nơi thân nhận biết xúc, các thứ đã chính thức phân biệt và đồng phần với xúc.

Ý giới là gì? Nghĩa là ý đối với pháp đã chính thức nhận biết và đồng phần với pháp.

Pháp giới là gì? Nghĩa là pháp được ý đã chính thức nhận biết và đồng phần với ý.

Ý thức giới là gì? Nghĩa là ý và pháp làm duyên sinh ra ý thức. Như thế ý là phần tăng thượng, còn pháp là đối tượng được duyên, nơi ý nhận biết pháp, các thứ đã chính thức phân biệt và đồng phần với pháp.

Nhãn xứ là gì? Tức mắt là chủ thể thấy chính thức về các sắc và đồng phần với sắc.

Sắc xứ là gì? Tức sắc là đối tượng được thấy chính thức của mắt và đồng phần với mắt.

Nhĩ xứ là gì? Tức tai là chủ thể nghe chính thức về các tiếng và đồng phần với tiếng.

Thanh xứ là gì? Tức tiếng là đối tượng được nghe chính thức của

tai và đồng phần với tai.

Tỷ xứ là gì? Tức mũi là chủ thể ngửi chính thức ngửi các mùi và đồng phần với mùi.

Hương xứ là gì? Tức mùi là đối tượng được ngửi chính thức của mũi và đồng phần với mũi.

Thiệt xứ là gì? Tức lưỡi là chủ thể đã chính thức nếm biết các vị và đồng phần với vị.

Vị xứ là gì? Tức vị là đối tượng được nếm của lưỡi và đồng phần với lưỡi.

Thân xứ là gì? Tức thân là chủ thể xúc chạm chính thức về các xúc và đồng phần với xúc.

Xúc xứ là gì? Tức xúc là đối tượng được xúc chạm chính thức của thân và đồng phần với thân.

Ý xứ là gì? Tức ý là chủ thể nhận biết chính thức về các pháp và đồng phần với pháp.

Pháp xứ là gì? Tức pháp là đối tượng được nhận biết chính thức của ý và đồng phần với ý.

Thế nào là sắc uẩn? Nghĩa là mười sắc xứ và pháp xứ cùng thâu tóm sắc.

Thế nào là thọ uẩn? Nghĩa là sáu thọ thân, tức là từ mắt tiếp xúc sinh ra thọ... cho đến ý tiếp xúc sinh ra thọ.

Thế nào là tưởng uẩn? Nghĩa là sáu tưởng thân, tức là từ mắt tiếp xúc sinh ra tưởng... cho đến ý tiếp xúc sinh ra tưởng.

Thế nào là hành uẩn? Đây có hai thứ: Tức là hành uẩn tương ứng với tâm và hành uẩn không tương ứng với tâm.

Thế nào là hành uẩn tương ứng với tâm? Nghĩa là pháp và tâm tương ứng với nhau. Đây nghĩa là gì? Nghĩa là tất cả các thứ như tư - xúc - tác ý - dục - thắng giải - niệm - định - tuệ - tín - cần - tầm - tứ - phóng dật và không phóng dật, căn thiện - căn bất thiện căn vô ký, tất cả các thứ kiết phược - tùy miên - ràng buộc của tùy phiền não, các thứ trí hiện có, các thứ kiến hiện có, các thứ hiện quán hiện có. Lại có các pháp khác tương tự như thế cùng với tâm tương ứng..., gọi chung là hành uẩn tương ứng với tâm.

Thế nào là hành uẩn không tương ứng với tâm? Nghĩa là pháp và tâm không tương ứng. Đây nghĩa là gì? Nghĩa là đã đạt định vô tướng - định diệt tận - vô tướng sự - mạng căn - chúng đồng, phần y đặc - sự đặc - xứ đặc, sinh - lão - trụ - vô thường, danh thân - cú thân - văn thân. Lại có những loại pháp khác không tương ứng với tâm như vậy..., gọi

chung là hành uẩn không tương ứng với tâm. Cả hai thứ đó hợp lại gọi là hành uẩn.

Thế nào là thức uẩn? Nghĩa là sáu thức thân, tức là nhãn thức... cho đến ý thức.

Thế nào là sắc thủ uẩn? Nghĩa là như các sắc hữu lậu có chấp giữ. Đối với các sắc này hoặc có mặt ở quá khứ- vị lai hay hiện tại, hoặc là dục, hoặc các thứ tham - sân - si, hoặc tùy theo mỗi mỗi tâm sở, tùy phiền não, đúng lúc phát sinh lập tức phát sinh, thì gọi là sắc thủ uẩn.

Thế nào là các thủ uẩn thọ-tưởng-hành- thức? Nghĩa là như thọ - tưởng - hành - thức hữu lậu, có chấp giữ đối với các thọ - tưởng - hành - thức này, nếu chúng có mặt ở các thời quá khứ- hiện tại hay vị lai, hoặc các thứ như dục - tham - sân - si, hoặc tùy theo mỗi mỗi tâm sở, tùy phiền não, đúng lúc phát sinh lập tức phát sinh, đó gọi là thủ uẩn thọ-tưởng-hành- thức.

Địa giới là gì? Tức là chỉ cho tánh cứng chắc.

Thủy giới là gì? Tức là chỉ cho tánh ẩm ướt.

Hỏa giới là gì? Tức là chỉ cho tính ấm nóng.

Phong giới là gì? Tức là chỉ cho tính chất nhẹ và lưu động.

Không giới là gì? Tức là Lân a già sắc (Sắc của hư không).

Thức giới là gì? Tức là năm thức thân và ý thức hữu lậu.

Thọ là gì? Nghĩa là các loại thọ cùng thọ, thọ riêng biệt, đều thọ, đã thọ. Đó gọi là thọ.

Tưởng là gì? Nghĩa là các loại tưởng cùng tưởng, tưởng tăng thượng, đều tưởng, đã tưởng. Đó gọi là tưởng.

Tư là gì? Nghĩa là các loại suy nghĩ (tư) đều suy nghĩ, suy nghĩ tăng thượng, đã suy nghĩ, tâm tác ý về nghiệp. Đó gọi là tư.

Xúc là gì? Nghĩa là các loại xúc đều xúc, tính chất của chạm xúc, tính chất cùng chạm xúc, đã tiếp xúc. Đó gọi là xúc.

Tác ý là gì? Nghĩa là tâm lôi kéo dẫn dắt, thuận theo sự lôi kéo dẫn dắt, tư duy lôi kéo dẫn dắt, gây tạo nên các ý nghĩ, khiến tâm biến chuyển, tâm tỉnh giác... Đó gọi là tác ý.

Dục là gì? Nghĩa là ham muốn, tính chất ham muốn tăng thượng, tánh ham muốn hiện tiền, các sự vui thích - trông mong - ưa làm... Đó gọi là dục.

Thắng giải là gì? Nghĩa là tâm chính thức hiểu rõ đúng tính chất của sự việc đã - đang và sẽ hiểu biết đúng. Đó gọi là thắng giải.

Niệm là gì? Nghĩa là nhớ nghĩ (niệm), tùy niệm (nhớ nghĩ về, nhớ nghĩ theo). Nhớ nghĩ riêng biệt, nhớ lại... không quên, không mất, không

sót, không rớt, tính chất không quên các pháp, tính chất của tâm sáng suốt ghi nhớ... Đó gọi là niệm.

Định là gì? Nghĩa là khiến tâm trụ cùng trụ, an trụ, trụ gần, trụ vững chắc, không phân tán loạn động, thâm giữ, cùng giữ tính chất nơi tâm chú vào một cảnh. Đó gọi là định.

Tuệ là gì? Nghĩa là đối với các pháp biết chọn lựa, chọn lựa kỹ, chọn lựa rất cùng cực, hiểu rõ, đều hiểu rõ, hiểu rõ khắp, hiểu rõ gần, hiểu biết thông suốt, phán xét thông tỏ, tuệ sáng rõ hành, Tỳ-bát-xá- na... Đó gọi là tuệ.

